TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỸ HÀO** TỈNH HƯNG YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2022/KDTM Ngày 05/4/2022 *V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng và ông Nguyễn Xuân Khải.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Luật – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Ngày 05/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Mỹ Hào mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* thụ lý số 17/2021/TLST - KDTM ngày 26/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST - KDTM ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ A; Địa chỉ: Số 130 Ph Đ L, P 3, quận Ph N, Thành phố H C M; Do bà N T N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Y M thuộc Ngân hàng TMCP Đ A - Chi nhánh H Y, là người đại diện theo Quyết định uỷ quyền số 1051/QĐ-DAB-PC ngày 10/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ A; Có mặt.

Bị đơn: Bà N T Th, sinh năm 1968.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông N V C, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: Thôn T H, xã T H, huyện Y M, tỉnh H Y.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ A trình bày:

Ngày 17/4/2018, Ngân hàng TMCP Đ A ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00809464/0131819701T18021 với bà N T Th với các nội dung chính

sau đây: Ngân hàng TMCP Đ A cho bà N T Th vay 30.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay để bổ sung vốn kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình, thời hạn vay 24 tháng; phương thức thanh toán nợ gốc và lãi vay là 24 kỳ bằng nhau vào ngày 23 hàng tháng với số tiền 1.450.000 đồng/kỳ, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 23/5/2018; lãi suất cho vay trong hạn 08%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ cho bà N T Th số tiền đã cam kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà N T Th cùng chồng là ông N V C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mới thanh toán được nợ gốc 9.476.000 đồng, lãi trong hạn 2.624.000 đồng, nên toàn bộ dư nợ của bà Th đã chuyển sang nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng đã có nhiều buổi làm việc đôn đốcvợ chồng bà Th nhưng không có kết quả. Cho nên, Ngân hàng TMCP Đ Akhởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà N T Thcùng chồng là ông N V C có trách nhiệm trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 00809464/0131819701T18021như sau:

1. Buộc bà N T Th và ông N V C trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 18/02/2022 là 28.686.616 đồng, trong đó nợ gốc là 20.524.000 đồng, lãi trong hạn là 2.176.000 đồng và lãi quá hạn là 5.986.616 đồng;

2. Kể từ ngày 19/02/2022, bà N T Th và ông N V C tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ A theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số00809464/0131819701T18021 ngày 17/4/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N V C*thừa nhận vợ ông là bà N T Thcó ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ A với các nội dung như nguyên đơn trình bày. Ông xác định đây là nợ chung của hai vợ chồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông và bà Th đã thanh toán cho ngân hàng một số kỳ; sau đó do chăn nuôi gặp dịch bệnh, ông bị ốm đau, kinh tế gia đình sa sút nên hai vợ chồng không tiếp tục thanh toán theo đúng cam kết. Ông thừa nhận số tiền còn nợ đúng như ngân hàng cung cấp. Ông đề nghị nguyên đơn xem xét cho vợ chồng ông trả dần nợ gốc và miễn toàn bộ tiền lãi.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Th và ông Ctrả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 04/4/2022 là 29.001.315 đồng, trong đó nợ gốc là 20.524.000 đồng, lãi trong hạn là 2.176.000 đồng và lãi quá hạn là 6.301.315 đồng; Kể từ ngày 05/4/2022, bà N T Th và ông N V C phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ A theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số00809464/0131819701T18021 ngày 17/4/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào có quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp và tư cách đương sự đúng theo quy định của pháp luật; việc xây dựng hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ và hoà giải cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Mặc dù, Tòa án đã tống đạt Giấy triệu tập cho bị đơn nhưng không yêu cầu bị đơn viết bản tự khai hoặc lấy lời khai để làm rõ quan điểm của bị đơn về việc vay nợ. Hoạt động tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà tuân thủ đúng trình tự, thủ tục; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Hợp đồng tín dụng số 00809464/0131819701T18021 ngày 17/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ A và bà N T Th có thời hạn 24 tháng, số tiền vay là 30.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 08%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Các đương sự thừa nhận ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay. Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm các đương sự xác lập quan hệ tín dụng là Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì thấy, lãi suất cho vay được nguyên đơn áp dụng là 08%/năm là phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nên lãi suất thoả thuận này được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về lãi suất quá hạn được các bên thoả thuận bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, nên cũng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về phương thức thanh toán tại mục 10 của Hợp đồng tín dụng thể hiện bên vay phải thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong 24 kỳ vào ngày 23 hàng tháng, trong đó kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 23/5/2018 và kỳ thanh toán cuối cùng là ngày 23/5/2020. Tuy nhiên, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mới thanh toán được một phần nợ gốc, nên ngày 06/7/2021, Ngân hàng TMCP Đ A khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Th và chồng là ông N V C phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên gồm nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 18/02/2022 là 28.686.616 đồng, trong đó nợ gốc là 20.524.000 đồng, lãi trong hạn là 2.176.000 đồng và lãi quá hạn là 5.986.616 đồng thì thấy, mặc dù hợp đồng không có chữ ký của ông C, nhưng ông C và bà Th là vợ chồng, ông C biết việc bà Th ký hợp đồng vay vốn ngân hàng và cùng với bà Th trả được một phần nợ cho ngân hàng, nên phải xác định nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng là nghĩa vụ chung

của bà Th và ông C. Nguyên đơn yêu cầu bà Th và ông C trả nợ là có căn cứ, được chấp nhận. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản thu hồi, xử lý nợ được nguyên đơn cung cấp, cả bà Th và ông C không phản đối về số nợ bao gồm nợ gốc và tiền lãi được nguyên đơn đưa ra. Tại phiên toà, nguyên đơn bổ sung yêu cầu về tiền lãi đến ngày 04/4/2022, gồm lãi trong hạn là 2.176.000 đồng và lãi quá hạn là 6.301.315 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bổ sung yêu cầu khởi kiện. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời kể từ sau ngày 04/4/2022, bà Th và ông C tiếp tục phải trả tiền lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quá hạn cho đến khi trả hết nợ gốc cho nguyên đơn.

[3] Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;Luật ngân hàng nhà nước năm 2010;Quyết định số 2868/2010/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam**;** Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2. Buộc bà N T Th và ông N V C trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ A tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 04/4/2022 là 29.001.315 đồng, trong đó nợ gốc là 20.524.000 đồng, lãi trong hạn là 2.176.000 đồng và lãi quá hạn là 6.301.315 đồng.

3. Kể từ ngày 05/4/2022, bà N T Th và ông N V C phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Đ A theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số00809464/0131819701T18021 ngày 17/4/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

4. Án phí:

4.1. Bà N T Th và ông N V C phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ Asố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003568, ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y M.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Mỹ Hào;
- Phòng KTGĐ, TAND tỉnh H Y;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hào;
- Các đương sự;
Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Tuấn Trọng